TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2017/HNGĐ - ST
Ngày: 29/8/2017
V/v "ly hôn, t/c nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C , TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Lê Thị Khuyên
- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Diệu Uyên
2. Ông Phạm Văn Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Thái Thị Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C.
- Đại diện Viện kiểm sát huyện C tham gia phiên tòa: Ông Đào Văn Dũng – Kiểm sát viên.

Vào ngày 29/8/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 129/2017/LTST- HNGĐ ngày 09/5/2017 về việc "ly hôn, t/c nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2017/QĐXXST - HNGĐ ngày 15/7/2017; Quyết định hoãn phiên tòa số: 84/2017/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự :

- Nguyên đơn: chị Hồng Thế V – Sn: 1985

Địa chỉ: số nhà 173/57, đường Khuôn Việt, P. Ph, Quận T, Tp. Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: anh Bùi Thành Tr – Sn:1984

Địa chỉ: ấp 6, xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

(chị V có mặt, anh Tr vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 05/5/2017, các lời khai bổ sung và tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay nguyên đơn chị Hồng Thế V trình bày: Trên cơ sở tự nguyện, tìm hiểu, thương yêu nhau trong thời gian khoảng 01năm đến năm 2009 chị và anh Bùi Thành Tr tiến tới hôn nhân với nhau và đăng ký kết hôn tại UBND phường Ph, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, đây là hôn nhân lần đầu tiên của anh chị. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc đến tháng 5/2014 thì xảy ra mâu thuẫn, do anh chị bất đồng quan điểm trong việc nuôi dạy, chăm sóc con, mâu thuẫn trong công việc, tiền bạc nên thường xuyên xảy ra cải vã, không tìm được tiếng nói chung, cuộc sống chung không có hạnh phúc đến tháng 8 năm 2014 anh Tr bỏ đi biệt tích từ đó đến nay không quay về, chị đã làm đơn yêu cầu và được Tòa án nhân dân huyện C chấp nhận tuyên bố anh Bùi Thành Tr mất tích. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh Bùi Thành Tr.

Quá trình chung sống anh chị có 01 con chung là cháu Bùi Như Q - sinh ngày: 11/9/2009, hiện đang sống với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi cháu Q, không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung và nợ chung: không có.

* Bị đơn anh Bùi Thành Tr vắng mặt nên không có lời khai trong hồ sơ.

* Các tài liệu, chứng cứ:

Nguyên đơn chị Hồng Thế V cung cấp để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là: bản tự khai tường trình về nội dung tranh chấp; chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu của chị (bản sao chứng thực); giấy chứng nhận kết hôn (bản chính), giấy khai sinh của cháu Quỳnh (bản sao chứng thực); Quyết định giải quyết việc dân sự số: 04/2017/QĐST - DS ngày 27/3/2017 "v/v yêu cầu tuyên bố một người mất tích"; Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 18/2016/QĐST – HNGĐ ngày 19/4/2016 (bản chính); Giấy xác nhận bảng lương (bản chính).

Tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập được là biên bản xác minh về nơi cư trú của anh Tr (bản chính).

***** Quan điểm của Viện kiểm sát huyện C: trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà sơ thẩm,Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký đều làm đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng cũng chấp hành và thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo tố tụng.

Về nội dung: về quan hệ hôn nhân chấp nhận cho chị V được ly hôn với anh Trường, giao cháu Q cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng, tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và tư cách tham gia tố tụng: chị Hồng Thế V khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Bùi Thành Tr, xin nuôi dưỡng con chung nên đây là vụ kiện: **"**Ly hôn, t/c nuôi con**"** theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị V có đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh Trnên chị V là nguyên đơn, anh Tr là bị đơn trong vụ án.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: anh Bùi Thành Tr hiện đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp 6, xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện C theo quy định tại Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng: anh Bùi Thành Tr bị Toà án huyện C tuyên bố mất tích nên Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết công khai triệu tập hợp lệ anh Bùi Thành Tr đến Tòa án nhân dân huyện C để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử nhưng anh Tr vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ theo điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS để tiến hành xét xử vắng mặt anh Tr là phù hợp.

[4] Về quan hệ hôn nhân: năm 2009 chị Hồng Thế V và anh Bùi Thành Tr có đăng ký kết hôn tại UBND phường Ph, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận kết hôn số 100/2009, ký ngày 14 tháng 5 năm 2009 của UBND phường Ph theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

[5] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị V thì thấy:

Anh Bùi Thành Tr bị Tòa án huyện C tuyên bố mất tích tại Quyết định giải quyết việc dân sự số: 04/2017/QĐST- DS ngày 27/3/2017 nên căn cứ khoản

2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận cho chị V được ly hôn với anh Tr.

[6] Về con chung: chị V xin nuôi dưỡng cháu Q vì hiện tại anh Tr mất tích không có tin tức gì và từ khi sinh ra cho đến nay cháu Q sống cùng với chị, hiện tại chị làm kế toán của công ty trên Thành phố Hồ Chí Minh có công việc và thu nhập ổn định, bình quân một tháng thu nhập 7.000.000 đồng, bên cạnh đó lại có ông bà ngoại phụ giúp chị trong việc trông nom con cái khi chị đi làm. Đồng thời cháu Q cũng có nguyện vọng sống với chị V. Vì vậy, xem xét quyền lợi về mọi mặt của cháu Q thì thấy nên giao cháu Quỳnh cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật HNGĐ năm 2014. Nên chấp nhận cho chị V được nuôi dưỡng cháu Q.

[7] Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị V không yêu cầu cấp dưỡng nên tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Tr.

[8] Về tài sản chung, nợ chung: chị V xác định không có, do anh Tr vắng mặt không có lời khai nên không xem xét giải quyết. Nếu sau này đương sự có yêu cầu có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

* Đề nghị của đại diện VKS huyện C phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được ghi nhận xem xét.

Về án phí: chị Hồng Thế V phải nộp 300.000 đồng tiền án phí LHST.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật TTDS.

Căn cứ Điều 51, khoản 2 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 của Luật HNGĐ năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận cho chị Hồng Thế V được ly hôn với anh Bùi Thành Tr.

- Về con chung: giao cháu Bùi Như Q - sinh ngày: 11/9/2009 cho chị Hồng Thế Vân trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi.

Tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Tr.

Khi cần thiết chị V và anh Tr được quyền yêu cầu xin thay đổi người nuôi dưỡng và việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung được pháp luật bảo vệ.

- Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: chị Hồng Thế V phải nộp 300.000 (*ba trăm ngàn*) đồng án phí LHST. Chuyển 300.000 (*ba trăm ngàn*) đồng tiền tạm ứng án phí chị V đã nộp thành tiền án phí (biên lai số 004016 ngày 09/5/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Chị V đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo

quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết tại UBND xã S.

Nơi nhận :
- *TAND. tỉnh Đồng Nai;*
- *VKSND tỉnh Đồng Nai;*
- *VKSND H. C;*
- *Thi hành án dân sự H. C;*
- *Những người tham gia tố tụng;*
- *UBND phường P;*
- *Lưu án văn ;*
- *Hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Lê Thị Khuyên